TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐX** **TỈNH BP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20/1/2022
V/v " Ly hôn, chia con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐX, TỈNH BP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thanh Tuấn**

Các hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Văn Được**

2. Bà Đinh Thị Lương Oanh

Thư ký phiên tòa: **Ông Bùi Hoàng Long** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh BP

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐX tham gia phiên tòa: **Bà Trần Thị Thủy Hằng** - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố ĐX mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 265/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "ly hôn, chia con chung" theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Đình H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tiểu khu TB, thị trấn NS, huyện NS, tỉnh TH. "Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt"

Bị đơn: Bà Trịnh Thị Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố BT, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh BP. "Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai nguyên đơn ông Dương Đình H trình bày: Ông H và bà Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2005, đến ngày 14 tháng 01 năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện NS, tỉnh TH. Trong quá trình chung sống, ông H và bà Đ hạnh phúc với nhau

một thời gian đầu. Nhưng đến năm cuối ngày 30/01/2010 giữa chúng tôi xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tam lo lắng cho nhau, thường hay xảy ra cãi vã lẫn nhau.

Nay, ông H nhận thấy tình cảm không thể níu kéo, mục đích hôn nhân không thể giải quyết, do vậy ông H mong muốn Tòa án giải quyết ly hôn với bà Đ .

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H và bà Đ có một con chung là Dương Gia B, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2010. Khi ly hôn, ông H đồng ý để bà Đ nuôi dưỡng con chung là cháu B cho đến khi trưởng thành 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn bà Trịnh Thị Đ trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về việc chung sống, kết hôn. Còn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do cả hai không hiểu nhau, tính tình không hợp. Nên trước yêu cầu ly hôn của ông H thì bà Đ đồng ý ly hôn

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đ và ông H có một con chung là Dương Gia B, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2010. Khi ly hôn bà Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu B cho đến khi trưởng thành 18 tuổi và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐX phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ các quy Đ của thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt căn cứ vào quy Đ tại các điều 70, 72, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Ông H và bà Đ có đăng ký kết hôn theo quy Đ của pháp luật; Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Do đó, căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông H.

Về con chung: Ông H và bà Đ có một con chung là Dương Gia B, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2010. Ông H và bà Đ thống nhất khi ly hôn giao con chung cho bà Đ nuôi dưỡng, hơn nữa cháu B cũng có nguyện vọng được ở với

bà Đ nên giao con cho bà Đ nuôi dưỡng là phù hợp

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà Đ không có yêu cầu và vắng mặt nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ.

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án *"Tranh chấp về ly hôn, chia con chung"* do nguyên đơn ông Dương Đình H khởi kiện. Bị đơn bà Trịnh Thị Đ có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Tổ 1, khu phố BT, phường TT, thành phố ĐX, tỉnh BP nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố ĐX theo quy Đ tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ hợp lệ giấy triệu tập cùng các văn bản của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải, quyết Đ đưa vụ án ra xét xử để triệu tập bà Đ lên Tòa án làm việc, tham gia phiên họp và hoà giải, tham gia phiên tòa hôn nhân sơ thẩm nhưng ông Hòa vắng mặt và có Đơn xin giải quyết vắng mặt; căn cứ vào các Điều 72, Điều 199, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Nguyên đơn ông Dương Đình H có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do đang trong giai đoạn điều trị bệnh là chính đáng, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy Đ của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã NH, huyện NS, tỉnh TH vào ngày ngày 14 tháng 01 năm 2005. Căn cứ vào các Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Do vậy ông H có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Đ là có phù hợp với quy Đ của pháp luật. Xét yêu cầu xin được ly hôn của nguyên đơn thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần khuyên nhủ ông H hàn gắn tình cảm để về đoàn tụ chung sống với bà Đ nhưng ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn vì bà cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương quan tâm, chăm sóc nhau nên bà mong muốn được ly hôn. Đối với bị đơn bà Đ trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bà Đ đã trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và biết được ông H yêu cầu ly hôn và đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của ông H. Do vậy, căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy, hôn nhân hạnh phúc được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau và cùng có trách nhiệm chung với gia đình, nhưng trong cuộc sống chung của ông H và bà Đ có những mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bà Đ của nguyên đơn ông H.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng: Trong thời gian chung sống ông H và bà Đ có một con chung là Dương Gia B, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2010. Nay ly hôn, ông H và bà Đ thống nhất để bà Đ nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của ông H.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn ông H, bị đơn bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Án phí sơ thẩm: Ông H phải chịu án theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT Đ:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Đình H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Đình H và bà Trịnh Thị Đ ly hôn với nhau.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Giao con chung là cháu Dương Gia B, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2010 cho bà Trịnh Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu ông Dương Đình H phải cấp dưỡng

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người đó.

Vì quyền lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không B đảm được quyền, lợi ích của con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Án phí: Ông Dương Đình H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004059 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố ĐX, tỉnh BP.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND thành phố ĐX;
- Chi cục THADS thành phố ĐX;
- UBND thị trấn NS, huyện NS;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tuấn